

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS -ST
Ngày: 06-12-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn
2. Ông Nguyễn Ngọc Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Phúc- Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXX- ST, ngày 02 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐ- HPT ngày 27/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: Số x, đường L, phường L, Đ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Viết Th- Chức vụ trưởng bộ phận xử lý nợ V (vắng mặt); ông Nguyễn Văn C, Cán bộ xử lý nợ V (có mặt)

Bị đơn: Anh V, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20/02/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, cũng như phiên toà hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Cường trình bày:

Theo giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng thẻ tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số: CN/VN0010278/201705/53 (LD 1719900370) ngày 14/7/2017 ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần (V)

thì anh V vay của V số tiền là 60,000,000đồng (sáu mươi triệu đồng chẵn), thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 40%, lãi suất quá hạn bằng 150%, mục đích vay tiêu dùng. Thực hiện hợp đồng tín dụng V đã giải ngân đủ số tiền 60,000,000đồng (sáu mươi triệu đồng chẵn) và anh Vũ đã nhận đủ và thực hiện chi tiêu. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Vũ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ tháng 12/2017 với mức lãi suất nợ quá hạn. Sau khi khoản vay chuyển sang nợ quá hạn thì V đã thông báo cho anh Vũ về việc khoản nợ chuyển quá hạn và yêu cầu thanh toán nhưng anh Vũ vẫn không hợp tác và thanh toán trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 29/03/2019 anh Vũ mới thanh toán được số tiền gốc là 2.087.600đ và tiền lãi 8.801.211đ, phạt 229.903đ. Tổng cộng là 11.118.714đ.

Tại phiên tòa, V yêu cầu anh V thanh toán trả số tiền tính đến ngày 06/12/2019 như sau: Nợ gốc: 57.912.400đ; nợ lãi: 70.559.914đ; phạt chậm trả: 7.751.705đ. Tổng cộng: 136.224.018đ.

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án, bản tự khai bị đơn là anh V trình bày như sau:

Ngày 14/7/2017 anh có ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng V số tiền gốc 60,000,000đồng (sáu mươi triệu đồng) với lãi suất 40%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%, thời hạn vay là 48 tháng. Mỗi tháng phải trả ngân hàng cả gốc và lãi suất vào ngày mùng 10 hàng tháng. Việc ký hợp đồng là tự nguyện, mọi điều khoản của hợp đồng anh đều được biết và không thắc mắc gì và đã được Ngân hàng giải ngân cho anh thực lĩnh số tiền là 60.000.000đồng. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh đã thanh toán trả V được số tiền gốc là 2.087.600đ và tiền lãi 8.801.211đ, phạt 229.903đ. Tổng cộng là 11.118.714đ. Hiện nay anh xác định còn nợ số tiền gốc là 57.912.400đồng và tiền lãi theo thỏa thuận. Nay V khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền gốc và lãi đã vay anh đồng ý nhưng do gia đình anh là hộ cận nghèo nên anh đề nghị V cho anh được trả số tiền gốc và xin miễn lãi. Tại phiên tòa anh Vũ vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành không đầy đủ quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào: Điều 26; Điều 35; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 243, 244, Điều 266, các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ: Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/12/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử;

Buộc anh V phải thanh toán cho V số tiền theo hợp đồng tín dụng ngày 14/7/2017, tính đến ngày 06/12/2019 là: nợ gốc: 57.912.400đ; nợ lãi: 70.559.914đ; phạt chậm trả: 7.751.705đ. Tổng cộng: 136.224.018đ.

Án phí: Anh V thuộc hộ cận nghèo được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: V khởi kiện đề nghị Tòa án thanh toán số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng. Bị đơn hiện cư trú trên địa bàn huyện V. Căn cứ vào Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của nguyên đơn và bị đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng Hợp đồng tín dụng ngày 14/7/2017 được ký kết giữa ngân hàng V và anh V là hợp pháp. Sau khi ký kết hợp đồng, phía ngân hàng V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng. Phía anh Vũ thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Cụ thể tính đến ngày 06/12/2019 anh Vũ còn nợ ngân hàng V số tiền là: Nợ gốc: 57.912.400đ; nợ lãi: 70.559.914đ; Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh Vũ phải chịu khoản tiền phạt chậm trả theo thỏa thuận. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng V, buộc anh Vũ phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ngân hàng V số tiền: Nợ gốc: 57.912.400đ; nợ lãi: 70.559.914đ; phạt chậm trả: 7.751.705đ. Tổng cộng: 136.224.018đ (một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi tư nghìn không trăm mười tám đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; anh V thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26; Điều 35; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 243, 244, Điều 266, các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh V phải thanh toán trả cho V số tiền tính đến ngày 06/12/2019 là: Nợ gốc là 57.912.400đ (năm mươi bảy triệu chín trăm mười hai nghìn bốn trăm đồng); nợ lãi: 70.559.914đ (bảy mươi triệu năm trăm năm mươi chín nghìn chín trăm mười bốn đồng); phạt chậm trả: 7.751.705đ (bảy triệu bảy trăm năm mươi một nghìn bảy trăm không năm đồng); tổng cộng là 136.224.018đ (một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi tư nghìn không trăm mười tám đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tính từ ngày 06/12/2019 đến khi thanh toán trả hết nợ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh V.

Trả lại ngân hàng V 2.200.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA2012/05348 ngày 02/4/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Thân Văn Hiếu

